



guò shì

过世

verb · to pass away

Example Sentences

tā de zǔ fù qù nián guò shì le
他的祖父去年过世了。

His grandfather passed away last year.

tīng dào péng yǒu guò shì de xiāo xī tā fēi cháng nán guò
听到朋友过世的消息，他非常难过。

Hearing the news of his friend's passing, he was very sad.

Trace each character, then write the word on your own.

过	过	过	过	过	过	过	过	过		
世	世	世	世	世	世	世	世			